

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thành

2. Ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1990; nơi ĐKTT: Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã Su, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã Su, tỉnh Phú Yên. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước (A20) tại xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N (chị N) trình bày: Chị N và anh Trần Văn V

(anh V) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới và sống chung năm 2009, đến ngày 14/9/2011 đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017, anh V phạm tội và bị tuyên án phạt tù tại trại giam A20 huyện Đồng Xuân cho đến nay vẫn chưa mãn hạn tù. Chị và con sống cùng ba mẹ chồng tại thôn Long Phước, xã Xuân Lâm nhưng do cha mẹ chồng khó tính nên chị đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương kiếm tiền nuôi con, con chị gửi lại cho ông bà nội nuôi. Hiện nay, tình cảm giữa chị và anh V không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị yêu cầu được ly hôn anh V để chị đi tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/10/2010. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020, bị đơn anh Trần Văn V trình bày:* Anh V và chị N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào khoảng năm 2009. Tại thời điểm này anh V chưa đủ tuổi kết hôn nên đến năm 2011, anh V và chị N mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 khi anh V thi hành án tại Trại giam Xuân Phước thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt. Chị N có đến thăm anh V một lần trong thời gian đầu anh V chấp hành án, từ đó đến nay chị N không thăm anh V nữa. Anh V có gọi liên lạc với chị N nhưng chị N không bắt máy. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, anh V đồng ý vì anh V thấy chị N không còn tình cảm đối với anh và thời gian chấp hành án của anh V còn dài.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/10/2010. Ly hôn, anh V yêu cầu giao con chung cho cha mẹ anh là ông Trần Văn Tiến – sinh năm 1967, bà Lâm Thị Chút – sinh năm 1968, trú tại thôn Long Phước, thị xã Sông Cầu chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh V đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước (A20), có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị

Trần Thị N được ly hôn anh Trần Văn V. Về con chung, giao con tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/10/2010 cho chị N nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh V thường trú tại Thôn Long P, xã Xuân L, thị xã Su, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước (A20) và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N, anh V có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lâm ngày 14/9/2011 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời chị N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2017, anh V phạm tội, bị kết án và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Phước (A20) đến nay vẫn chưa mãn hạn tù. Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh V để chị tìm hạnh phúc mới. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020, anh V thống nhất quan hệ hôn nhân như chị N trình bày, xác nhận tình cảm vợ chồng rạn nứt kể từ thời điểm anh V chấp hành án phạt tù. Trong thời gian anh chấp hành án phạt tù, chị N chỉ tới thăm anh một lần, anh có điện thoại liên lạc với chị N nhưng chị N không bắt máy. Anh V xác định thời gian chấp hành án phạt tù của anh còn dài, hơn nữa chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh nên anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh V không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị N.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/10/2010. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020, anh V yêu cầu giao cháu T cho cha mẹ anh là ông Trần Văn T, bà Lâm Thị C trú tại thôn Long Ph, thị xã Sông Cầu chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định khi ly hôn, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là của cha mẹ, không phải nghĩa vụ của ông bà. Mặt khác, bản thân cháu T có nguyện vọng được sống cùng chị N. Xét yêu cầu của chị N, giao con chung Trần Thị Thu T cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của các cháu nên HĐXX chấp nhận. Ghi nhận sự tự

nguyên của chị N, không buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N và anh V không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị N được ly hôn anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/10/2010 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, anh Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0000478 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Lộc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

